

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 757/2023/DS-PT

Ngày: 31-10-2023

*“V/v tranh chấp thừa kế tài sản và
công nhận hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 651/2022/TLDS-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 về việc *“tranh chấp thừa kế tài sản và công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2698/2023/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hoàng A, sinh năm 1957; Cư trú tại: Số A, đường Đ, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Trần Diệp O; Cư trú tại: Số A, đường Đ, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn O: Ông Nguyễn Khánh T. Cư trú tại: Số E, đường P, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2021 – có mặt).

2. Bà Trần Thanh T1, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn T1: Ông Lê Thành P (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/3/2022)

Cùng cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Hoàng V; Cư trú tại: Số G, Đ, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

Người đại diện theo ủy quyền cho bà V: Bà Tăng Thị Ngọc H; Cư trú tại: Ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (văn bản ủy quyền ngày 08/02/2022 – có mặt).

2. Bà Trần Thị Diệu H1; Cư trú tại: Số D, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3. Bà Bùi Thị Thu T2 (vắng mặt);

4. Bà Trần Ngọc N (có mặt);

5. Ông Trần Văn N1 (có mặt);

Cùng cư trú tại: Số D, đường H, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Trần Thị T3 (Chen Shih C); Cư trú tại: Số A đường T, khóm B, phường T, thành phố B, huyện Đ, Đài Loan (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền cho bà Trần Thị T3 (Chen Shih C), bà Bùi Thị Thu T2: Bà Trần Ngọc N. Địa chỉ: Số D, đường H, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Văn bản ủy quyền ngày 22/10/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Ngọc N, bà Trần Thị T3, bà Bùi Thị Thu T2, ông Trần Văn N1: Luật sư Trương Thị H2 – Văn phòng luật sư Trương Thị H2 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H (có mặt).

7. Ông Lê Thành P (vắng mặt);

8. Lê Phương T4 (vắng mặt);

9. Lê Phương N2 (vắng mặt);

10. Lê Phương H3 (vắng mặt);

11. Lê Anh K (vắng mặt);

Cùng Cư trú tại: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

12. Bà Lâm Thị H4 (vắng mặt);

13. Bà Trần Thị H5 (vắng mặt);

14. Trần Diệp T5 (vắng mặt);

15. Trần Trường G (vắng mặt);

16. Trần Ngọc L (vắng mặt);

Cùng Cư trú tại: Số A, đường Đ, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền cho bà H4, bà H5, ông T5, ông G, bà L: Ông Nguyễn Khánh T. Cư trú tại: Số E, đường P, khóm B, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

17. Huỳnh Hoàng N3;

18. Huỳnh Thanh T6;

19. Huỳnh Thanh T7;

Cùng Cư trú tại: Số D, ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng

20. Ông Tăng Thành Q;

21. Ông Tăng Thành T8;

22. Bà Tăng Thị Ngọc H;

Cùng Cư trú tại: Số G, Đ, ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện đề ngày 17/3/2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn Trần Thị Hoàng A có nội dung được tóm tắt như sau:

Cha bà tên Trần Văn L1 chết ngày 28/5/2013, mẹ là bà Lê Thị T9 chết năm 2015, cha mẹ có 06 người con gồm: ông Trần Thanh H6 (chết năm 2019) có vợ là Bùi Thị Thu T2 và các con là Trần Ngọc N, Trần Văn N1 và Trần Thị T3; bà là Trần Thị Hoàng A; các em Trần Diệp O; Trần Thị Hoàng V; Trần Thị Diệu H1 và Trần Thanh T1. Cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng nào khác. Lúc sinh thời, cha mẹ bà có tạo lập được khối tài sản gồm:

- Diện tích 6.720m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C, do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 365335 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997.

- Diện tích 17.298,4m² đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Vào năm 1997 cha cắt chia cho Trần Thị Hoàng V 5.000m², cắt chia cho Trần Thị Diệu H1 5.000m². Phần còn lại 7.298,4m² cha đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 671283 ngày 30/9/1997 với diện tích là 5.170m² (do lúc đó đo chưa hết phần đất giáp sông). Phần đất này thuộc 02 thửa gồm thửa 443 có diện tích 3.750m² và thửa 444 có diện tích 1.420m² cùng tờ bản đồ số 3. Đến năm 2010, cha mẹ đã làm giấy tặng cho ông Trần Thanh H6 một phần hai của diện tích 7.298,4m². Đất này có số thửa mới là 16, tờ bản đồ số 13.

Hiện nay hai phần đất trên ông Trần Diệp O và bà Trần Thanh T1 đang quản lý sử dụng. Cha, mẹ chết không để lại di chúc nên nay bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 6.720m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C và một phần hai của diện tích 7.298,4 m² thuộc thửa 16 tờ bản đồ số 13 tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 5.170m²; phần đất này thuộc 02 thửa gồm thửa 443 có diện tích 3.750m² và thửa 444 có diện tích 1.420m² cùng tờ bản đồ số 3). Yêu cầu chia di sản trên làm 06 kỷ phần bằng nhau.

Tại đơn phản tố ngày 15/6/2021 của bị đơn Trần Diệp O có nội dung:

Di sản của cha mẹ để lại gồm có:

- Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.576,3m² và thửa 36, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.066m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Hai thửa đất trên Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Diệu H1 vào ngày 30/9/1997 (nhưng trên thực tế tôi là người quản lý sử dụng).

- Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 03 có diện tích 5.000m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng được Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị Hoàng V ngày 30/9/1997 (nhưng trên thực tế tôi là người quản lý sử dụng).

Sau khi cha, mẹ chết thì bà Trần Thị Hoàng A, Trần Thị Hoàng V và Trần Thị Diệu H1 đồng ý chia đều 03 thửa đất này cho các anh chị em, nhưng đến nay bà Trần Thị Hoàng A, Trần Thị Hoàng V và Trần Thị Diệu H1 lại không đồng ý phân chia từ đó xảy ra tranh chấp.

Nay bị đơn phản tố yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với các thửa đất:

- Thửa đất số 35, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.576,3m² và thửa 36, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.066m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Thửa đất số 450, tờ bản đồ số 03, diện tích 5.000m², tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2021 bị đơn Trần Thanh T1 trình bày: Cha bà là ông Trần Văn L1 chết năm 2013, mẹ là Lê Thị T9 chết năm 2015, cha mẹ có 06 người con. Trước khi chết cha, mẹ không có để lại di chúc. Tài sản của cha, mẹ gồm có:

- Diện tích đất 6.720m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C, do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 365335 được Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997. Hiện nay thửa đất này bị đơn đang quản lý sử dụng cùng với chồng là Lê Thành P và các con Lê Phương T4, Lê Hoàng N4, Lê Phương H3, Lê Anh K.

- Diện tích 17.298,4m² đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Vào năm 1997 cha cắt chia cho Trần Thị Hoàng V 5.000m², cắt chia cho Trần Thị Diệu H1 5.000m². Phần còn lại 7.298,4m² cha đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 671283 ngày 30/9/1997 với diện tích là 5.170m². Hiện nay phần đất này do ông Trần Diệp O đang quản lý sử dụng.

Trước khi cha, mẹ mất thì sống với bị đơn, bị đơn đồng ý chia theo pháp luật nhưng đề nghị xem xét công chăm sóc nuôi dưỡng lúc cha mẹ già yếu.

Trong thửa đất 6.720m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C do cha đứng tên quyền sử dụng đất, hiện nay bị đơn sử dụng khoảng 3.220m² còn lại khoảng 3.500m² hiện nay con ông Trần Thanh H6 đang quản lý sử dụng do cắt chuyển vào năm 2010-2011.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 16 tháng 4 năm 2021 của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu T2, bà Trần Ngọc N và ông Trần Văn N1 có nội dung: Ông Trần Văn L1 chết ngày 28/5/2013 và bà Lê Thị T9 chết năm 2015, có 06 người con gồm: ông Trần Thanh H6 (chết năm 2019) có vợ là Bùi Thị Thu T2 và các con là Trần Ngọc N, Trần Văn N1 và Trần Thị T3; bà Trần Thị Hoàng A; bà Trần Diệp O; bà Trần Thị Hoàng V; bà Trần Thị Diệu H1 và bà Trần Thanh T1. Cha mẹ không có con nuôi hay con riêng nào khác. Lúc sinh thời, ông L1 và bà T9 có tạo lập được khối tài sản gồm:

- Diện tích đất 6.720m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C, do ông L1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 365335 được Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 30/9/1997.

- Diện tích 17.298,4m² đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Vào năm 1997 cha cắt chia cho Trần Thị Hoàng V 5.000m², cắt chia cho Trần Thị Diệu H1 5.000m². Phần còn lại 7.298,4m² cha đăng ký được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 671283 ngày 30/9/1997 với diện tích là 5.170m² (do lúc đó đo chưa hết phần đất giáp sông). Phần đất này thuộc 02 thửa gồm thửa 443 có diện tích 3.750m² và thửa 444 có diện tích 1.420m² cùng tờ bản đồ số 3. Đến năm 2010, cha, mẹ đã làm giấy tặng cho ông Trần Thanh H6 một phần hai của diện tích 7.298,4m². Đất này có số thửa mới là 16, tờ bản đồ số 13. Hiện nay phần đất này do ông Trần Diệp O quản lý sử dụng.

Nay yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết: Công nhận “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” giữa ông Trần Văn L1 với ông Trần Thanh H6 được xác lập ngày 24/11/2010 đối với diện tích đất 3.649,2m² là một phần hai của diện tích đất 7.298,4m² thuộc thửa số 16 (số mới) tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 5.170m². Phần đất này thuộc 02 thửa gồm thửa 443 có diện tích 3.750m² và thửa 444 có diện tích 1.420m² cùng tờ bản đồ số 3).

Đất có tứ cận như sau:

Hướng Đông giáp sông B;

Hướng Tây giáp đất của bà Trần Thị H1;

Hướng Nam giáp phần đất $\frac{1}{2}$ diện tích đất còn lại thuộc thửa số 16;

Hướng Bắc giáp đất bà Thái Thị Kim T10.

Buộc ông Trần Diệp O phải có trách nhiệm giao trả cho các người liên quan diện tích đất 3.649,2m².

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 24/5/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Hoàng V trình bày: Về cha, mẹ anh chị em và về tài sản do cha, mẹ chết để lại đúng như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Khi cha, mẹ còn sống có cho bà 5.000m² đất và hiện nay bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không đồng ý chia theo yêu cầu phản tố của ông Trần Diệp O. Nếu có chia thừa kế theo yêu cầu của nguyên đơn bà đồng ý nhận phần được chia bằng hiện vật.

Tại văn bản ghi ý kiến ngày 02/7/2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Diệu H1 trình bày: Về cha, mẹ anh chị em và về tài sản do cha, mẹ chết để lại đúng như nguyên đơn và bị đơn trình bày. Việc ông Trần Diệp O cho rằng sau khi cha, mẹ chết bà Trần Thị Hoàng A, bà Trần Thị Hoàng V, bà Trần Thị Diệu H1 đồng ý phân chia 03 thửa đất cho các anh chị em nhưng đến nay không phân chia nên phát sinh tranh chấp là không đúng sự thật. Khi cha, mẹ còn sống có cho bà 5.000 m² đất và hiện nay bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà và ông Huỳnh Hoàng N3 chồng của bà đứng tên, nên không đồng ý chia theo yêu cầu phản tố của ông Trần Diệp O.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hoàng A về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Trần Văn L1 và bà Lê Thị T9 chết để lại là phần đất diện tích 6270m² thuộc thửa 750, tờ bản đồ số 2 (theo đo đạc thực tế là 5.259,4m², loại cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện L (nay là ấp N, xã A, huyện C) tỉnh Sóc Trăng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 0166 ngày 30/9/1997 do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn L1 đứng tên.

Chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L1 và bà Lê Thị T9 chết để lại là phần đất nêu trên thành 07 kỷ phần có diện tích tương ứng mỗi kỷ phần là 750,7m² cho các đồng thừa kế gồm Trần Thị Hoàng A, Trần Thị Diệu H1, Trần Thị Hoàng V, Trần Diệp O mỗi người được hưởng 01 kỷ phần, bà Trần Thanh T1 được hưởng 02 kỷ phần là 1.501,4m², các người liên quan Bùi Thị Thu T2, Trần Ngọc N, Trần Văn N1 và Trần Thị T3 được hưởng 01 kỷ phần, cụ thể như sau:

1.1. Bà Trần Thị Hoàng A được hưởng 01 kỷ phần là phần đất diện tích 750.7m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Trần Diệp O có số đo: 129,60m;
- Hướng Tây giáp bà T2, bà N, ông N1 và bà T3 có số đo: 129,33m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 5,83m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 5,85m.

1.2. Bà Trần Thị Diệu H1 được hưởng 01 kỷ phần là phần đất diện tích 750.7m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp bà T2, bà N, ông N1, bà T3 có số đo: 129,06m;
- Hướng Tây giáp Trần Diệp H1 có số đo: 126,79m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 5,86m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 5,88m.

1.3. Bà Trần Thị Hoàng V được hưởng 01 kỷ phần là phần đất diện tích 750.7m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Trần Thanh T1 có số đo: 130,14m;
- Hướng Tây giáp Trần Diệp O có số đo: 129,87m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 5,80m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 5,83m.

1.4. Ông Trần Diệp O được hưởng 01 kỷ phần là phần đất diện tích 750.7m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Trần Thị Hoàng V có số đo: 129,87m;
- Hướng Tây giáp Trần Thị Hoàng A có số đo: 129,60m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 5,81m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 5,84m.

1.5. Bà Bùi Thị Thu T2, bà Trần Ngọc N, ông Trần Văn N1, bà Trần Thị T3 được hưởng 01 kỷ phần là phần đất diện tích 750.7m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp Trần Thị Hoàng A có số đo: 129,33m;
- Hướng Tây giáp Trần Thị Diệu H1 có số đo: 129,06m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 5,84m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 5,87m.

1.6. Bà Trần Thị T11 được hưởng 02 kỷ phần là phần đất diện tích 1.501,4m² có số đo, tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp đất ông K1 có số đo: 130,68m;

- Hướng Tây giáp Trần Thị Hoàng V có số đo: 30,14m;
- Hướng Nam giáp Rạch có số đo: 11,55m;
- Hướng Bắc giáp Rạch có số đo: 11,65m.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Hoàng A về việc yêu cầu chia thừa kế $\frac{1}{2}$ thừa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có diện tích theo đo đạc thực tế là 6.998,5m² (thửa cũ là 443 và 444), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 0106 ngày 30/9/1997 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là Cù Lao D), tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn L1 đứng tên.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Diệp O về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 35, 36 và thửa 450 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

4. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thu T2, Trần Ngọc N và ông Trần Văn N1, về việc công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn L1 và ông Trần Thanh H6 được xác lập ngày 24/11/2010 thì ông H6 được tặng cho $\frac{1}{2}$ diện tích đất 7.298,4m² thuộc thửa số 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25/7/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc N có đơn kháng cáo. Bà Trần Thị Hoàng A kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Bà Trần Ngọc N kháng cáo yêu cầu chấp nhận yêu cầu độc lập của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Luật sư Trương Thị H2 trình bày quan điểm bảo vệ: Đối với phần đất thửa 443 và 444 (hiện nay là thửa 16 tờ bản đồ số 3), phần tranh chấp đã được ông L1 làm tờ tặng cho ông Trần Thanh H6 phân nửa phần 7.298,4m², ông O thì cho rằng phần đất được ông L1 di chúc cho lại ông O vào năm 2010. Ông O có 2 tài liệu, Tờ quyền thừa kế 29/01/2010 và tờ di chúc 07/5/2010 cho rằng ông được nhận thừa kế của ông L1. Tờ thừa kế và tờ di chúc đều không hợp lệ. Di chúc có 2 người làm chứng và phải có điều kiện là người để lại di chúc phải ký trước mặt 2 người làm chứng, và phải có xác nhận chữ ký và điểm chỉ của người để lại di sản là ông L1 và bà T9. 2 người làm chứng đã thừa nhận họ không ký trực tiếp mà được ký sau khi di chúc được lập. Chúng tôi cho rằng di chúc này không hợp pháp. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét, ông L1 đã cho ông H6 50% phần đất 7.298,4m², đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia thừa kế phần đất còn lại cho 6

người thuộc hàng thừa kế của ông L1, đề nghị được chia theo hiện vật vì đất trồng cây lâu năm hạn mức 500m².

- Ông Nguyễn Khánh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bà N về nội dung liên quan đến phần đất tặng cho ông H6 vì thực tế ông H6 không có nuôi dưỡng ông L1. Đối với di chúc thì chúng tôi cho rằng hợp pháp, người làm chứng thừa nhận có ký vào di chúc, không có căn cứ nào thể hiện 2 cụ để lại di chúc không còn minh mẫn. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của phía nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Luật sư Trương Thị H2 bổ sung: Việc ông H6 có nuôi dưỡng ông L1 được nguyên đơn và các đương sự khác thừa nhận. Việc người làm chứng có ký vào di chúc thì phải ký chứng kiến trong thời điểm ký trước mặt người làm di chúc, việc này thể hiện trong tờ khai của người làm chứng, không ký trước mặt mà mang đến nhà để ký, đồng thời không có xác nhận việc nhìn thấy ông L1 và bà T9 đã ký vào di chúc trước mặt người làm chứng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án phúc thẩm, thư ký đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bảo đảm cho các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Có 2 giao dịch trong trường hợp này, ông L1 tặng cho đất cho ông H6 và ông L1 và bà T9 di chúc lại cho ông O. Đối với hợp đồng tặng cho đất ông H6 thì chỉ có một mình cụ L1 ký tên nên việc quyết định chỉ được ½ tài sản vì cụ T9 không có ký, hợp đồng tặng cho này vẫn có giá trị và chỉ có hiệu lực ½ tài sản. Tờ di chúc của ông L1 có sự chứng kiến của các con của ông L1, có người làm chứng; ông Q là người làm chứng cho rằng ông L1 tự mang qua cho ông Q ký làm chứng. Và thực tế ông O là người trực tiếp quản lý sử dụng đến nay. Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử công nhận hợp đồng tặng cho giữa cụ L1 và ông H6 với ½ tài sản và công nhận di chúc theo đúng di nguyện của người chết ½ tài sản là quyền sử dụng đất còn lại cho ông O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A; người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc N trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo có mặt đầy đủ nên căn cứ theo quy định tại Điều 225 luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Cụ Trần Văn L1 (chết ngày 28/5/2013) và Cụ Lê Thị T9 (chết năm 2015) có sáu người con là:

1. Ông Trần Thanh H6 (chết năm 2019) có vợ là bà Bùi Thị Thu T2 và các con là Trần Ngọc N, Trần Văn N1 và Trần Thị T3;

2. Bà Trần Thị Hoàng A;

3. Ông Trần Diệp O;

4. Bà Trần Thị Hoàng V;

5. Bà Trần Thị Diệu H1;

6. Bà Trần Thanh T1.

Cụ L1 và Cụ T9 không có con nuôi hay con riêng nào khác. Nên hàng thừa kế thứ nhất của cụ L1 và cụ T9 bao gồm ông Trần Thanh H6, bà Trần Thị Hoàng A, bà Trần Diệp O, bà Trần Thị Hoàng V, bà Trần Thị Diệu H1 và bà Trần Thanh T1. Tuy nhiên, ông H6 đã chết năm 2019 nên vợ và các con của ông H6 là bà T2, bà N, ông N1 và bà T3 sẽ là những người thừa kế hợp pháp phần di sản thừa kế mà ông H6 được nhận. Sinh thời, cụ L1 và cụ T9 tạo lập được khối di sản bao gồm các phần diện tích đất mà các đương sự đã thống nhất về số đo, tứ cận, diện tích thực tế theo Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/6/2021 như sau:

- Thừa đất số 750, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 5.254,9m². Hiện do bị đơn Trần Thanh T1 quản lý sử dụng.

- Thừa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 6.998,5m² (thửa cũ là 443 và 444). Hiện do bị đơn Trần Diệp O quản lý sử dụng.

- Thừa đất số 35, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.565,3m² và Thừa đất số 36, tờ bản đồ số 03 có diện tích 2.081,3m² (thửa cũ số 493, tờ bản đồ số 03) cùng tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Hiện do bà Trần Thị Diệu H1 quản lý sử dụng.

- Thừa đất số 450, tờ bản đồ số 03, tọa lạc ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có diện tích là 5.150,7m² (thửa mới số 27, tờ bản đồ số 13). Hiện do bà Trần Thị Hoàng V quản lý sử dụng.

[2.2] Án sơ thẩm tuyên xử: chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L1 và bà Lê Thị T9 chết để lại thừa đất 750 tờ bản đồ số 02 (theo đo đạc thực tế là 5.259,4m²) tọa lạc tại ấp Đ, xã A, huyện L (nay là ấp N, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng) cho các đồng thừa kế thành 7 kỷ phần (trong đó bà Trần Thanh T1 được hưởng 2 kỷ phần do có công tôn tạo, gìn giữ) và không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Diệp O về việc yêu cầu chia thừa kế đối với thửa 35, 36 và thửa 450 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (diện tích này thuộc quyền sử dụng của Trần Thị Diệu H1 và bà Trần Thị Hoàng V do ông L1 và bà Tây t cho khi còn sống) là có căn cứ. Các đương sự không kháng cáo nội dung này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị Hoàng A và bà Trần Ngọc N đối với thừa đất diện tích 7.298,4m² (theo đo đạc thực tế là 6.998,5m²), thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích là 5.170m² thuộc 02 thửa gồm thửa 443 có diện tích 3.750m² và thửa 444 diện tích 1.420m² thuộc tờ bản đồ số 03) bà Trần Thị Hoàng A cho rằng: năm 2010 cha mẹ bà đã làm giấy tặng cho anh của bà là Trần Thanh H6 $\frac{1}{2}$ của diện tích 7.298,4m². $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại khi cha mẹ bà chết không để lại di chúc nên yêu cầu chia thành 06 kỷ phần bằng nhau và bà yêu cầu được hưởng 01 kỷ phần bằng hiện vật.

[3.1] Tại Tờ quyền thừa kế ngày 29/01/2010 có thể hiện nội dung: “Ba Trần Văn L1 và bà Lê Thị T9 vì tuổi già nên làm quyền thừa kế cho con trai út tên Trần Diệp O, sinh năm 1957.... Được quyền thừa hưởng miếng đất số thửa 443-444 đây là miếng đất tổ tiên ông bà nhằm thờ cúng diện tích 5.170m² luôn cả diện tích đất lá trước cửa nhà”; Và tại di chúc ngày 07/5/2010 ghi nhận: “chúng tôi có một thửa đất trồng dừa (vườn tạp) đang sử dụng được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 5.170m² thuộc tờ bản đồ số 03, thửa 443, 444 tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. Trên thửa đất nói trên còn có một căn nhà chúng tôi đang ở có chiều dài 15m, ngang 12m hiện nhà xây tường, lợp ngói và nền lát gạch bông...Nay vợ chồng tôi bàn bạc thống nhất với nhau khi vợ chồng chúng tôi qua đời thì giao toàn bộ quyền sử dụng đất và căn nhà nói trên cho con trai út tên Trần Diệp O, sinh năm 1957, ...”. Tờ di chúc ngày 07/5/2010 có người làm chứng là ông Trần Phát Q1 và ông Đoàn Văn L2 ký xác nhận. Ngoài ra, tại tờ quyền thừa kế (BL36) có chữ ký làm chứng của ông Nguyễn Văn N5, bà Trần Thị N6, bà Nguyễn Thị N7, bà Trần Thị Hoàng V, bà Trần Thanh T1 và một số người khác. Tuy nhiên đến ngày 22/11/2010, ông Trần Văn L1 lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có xác nhận của chính quyền địa phương do ông Ngô Thanh T12 – phó Chủ tịch UBND thị trấn C xác nhận; với nội dung: ông Trần Văn L1 tặng cho ông Trần Thanh H6 diện tích đất là $\frac{1}{2}$ thửa số 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 7.298,4m² đất nông nghiệp, trồng cây lâu năm. (Diện tích này theo GCNQSDĐ cấp cho ông L1, bà T9 là 5.170m², thuộc tờ bản đồ số 03 thửa 443, 444 tọa lạc tại ấp P, xã A, huyện L, tỉnh Sóc Trăng). Xét hợp đồng tặng cho ngày 22/11/2010 do

ông L1 lập tặng cho $\frac{1}{2}$ diện tích đất cho ông H6, hợp đồng có xác nhận của chính quyền địa phương nên hợp lệ và có hiệu lực.

Tuy nhiên, xét thấy Hợp đồng tặng cho chỉ có một mình ông L1 ký, không có chữ ký bà T9 nên theo quy định của Bộ luật dân sự về thừa kế thì ông L1 chỉ được định đoạt phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình. Tuy nhiên, sau khi ông L1, bà T9 lập di chúc toàn bộ diện tích thừa số 16 cho ông O, thì ông L1 lại lập hợp đồng tặng cho ông H6 $\frac{1}{2}$ diện tích. Như vậy, ông L1 đã thay đổi quyền định đoạt của mình, là tặng cho ông H6 $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất của bản thân trong khối tài sản chung của vợ chồng. Do đó, diện tích đất các bên tranh chấp được ông L1, bà T9 định đoạt cho ông O và ông H6 mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích. Vì vậy, xét cấp sơ thẩm xác định di chúc hợp lệ và giao toàn bộ diện tích đất cho ông O là không phù hợp, không thể hiện được ý chí của ông L1 theo Hợp đồng tặng cho do ông L1 lập ngày 22/11/2010.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thống nhất phần diện tích thừa đất 16, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng không còn tài sản trên đất. Căn nhà trên đất đã cũ, đổ, dột nát, không còn giá trị sử dụng; cây trồng trên đất đã được chặt bán hết; là đất trống.

Từ cơ sở trên, xét di chúc và hợp đồng tặng cho đều có hiệu lực một phần nên ông O và ông H6 mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ phần di sản. Ông H6 chết nên vợ và con ông H6 được thừa kế thay. Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Hoàng A và chấp nhận kháng cáo của bà Trần Ngọc N, sửa một phần Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người liên quan có kháng cáo và người đại diện hợp pháp của bị đơn là có căn cứ nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Thanh T13, bà Trần Ngọc N, ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị T3 phải liên đới chịu án phí đối với phần giá trị tài sản được hưởng (bằng 5% giá trị tài sản có tranh chấp) là 9.623.000 đồng.

- Ông Trần Diệp O được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Hoàng A phải chịu nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

- Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Trần Ngọc N không phải chịu.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Hoàng A đối với yêu cầu chia thừa kế $\frac{1}{2}$ thửa đất số 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc N về việc công nhận Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn L1 và ông Trần Thanh H6 ngày 24/11/2010.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Áp dụng các Điều 650, 652, 656, 664 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 609, 612, 613, Điều 649, Điều 650, Điều 651 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận một phần tờ Quyền thừa kế ngày 29/01/2010; tờ di chúc ngày 07/5/2010 do ông Trần Văn L1 và bà Lê Thị T9 lập cho ông Trần Diệp O và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/11/2010 do ông Trần Văn L1 lập tại Ủy ban nhân dân thị trấn C đối với ông Trần Thanh H6.

1.1 Ông Trần Diệp O được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo GCNQSDĐ số K.671283 cấp cho hộ ông Trần Văn L1 ngày 30/9/1997. Cụ thể, ông O được hưởng $6.998,5\text{m}^2/2=3.499,25\text{m}^2$ có số đo, tứ cận:

- Hướng đông bắc giáp bờ kênh , số đo 25,18m;
- Hướng tây nam giáp thửa 36, số đo 26,07m;
- Hướng đông nam giáp thửa 19, số đo 136,79m;
- Hướng tây bắc giáp phần còn lại của thửa 16 (là thửa đất được chia cho ông H6).

1.2 Bà Bùi Thị Thu T2, bà Trần Ngọc N, ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị T3 (là vợ và con của ông H6) được quyền quản lý, sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích còn lại của thửa 16, tờ bản đồ số 13, tọa lạc tại ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo GCNQSDĐ số K.671283 cấp cho hộ ông Trần Văn L1 ngày 30/9/1997. Bà T2, bà N, ông N1 và bà T3 được hưởng phần đất diện tích $3.499,25\text{m}^2$ có số đo, tứ cận:

- Hướng đông bắc giáp bờ kênh, số đo 25,18m;

- Hướng tây nam giáp thửa 36, số đo 26,07m;
- Hướng đông nam giáp phần còn lại của thửa 16 (là thửa đất được chia cho ông O);

- Hướng tây bắc giáp thửa số 11, số đo 136,32m.

(Có sơ đồ hiện trạng thửa đất kèm theo)

Các đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất được chia.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Bùi Thị Thanh T13, bà Trần Ngọc N và ông Trần Văn N1 và bà Trần Thị T3 phải liên đới chịu 9.623.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền bà T13, bà N, ông N1 đã nộp theo các biên lai thu tiền số 0009075, 00090076 và 0009077 cùng ngày 07/5/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng. Số tiền còn phải nộp là 8.723.000 đồng.

- Ông Trần Diệp O được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Trần Thị Hoàng A được miễn.

- Bà Trần Ngọc N không phải chịu; hoàn trả lại cho bà N 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002447 ngày 12/8/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Sóc Trăng.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương Nguyễn Thị Thụy Vũ

Lê Văn An